TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **T PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2024
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - T PHỐ HÀ NỘI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Minh**

2. Ông Nguyễn Việt Anh

Thư ký phiên tòa: **Ông Trần Hải Minh**

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - T phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 271/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024; quyết định hoãn phiên toà số 44, ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Bích N, sinh năm 1984;

Thường trú: P3902 - HH1B phường H, quận HM, T phố Hà Nội(có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn N T, sinh năm 1982;

Thường trú: P3902 - HH1B Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: P3902 - HH1B phường H, quận HM, T phố Hà Nội(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện gửi cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Bích N trình bày:***

- **Về tình cảm**: Chị Hoàng Bích N và anh Nguyễn N T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy P, huyện Từ Liêm, T phố Hà Nội (nay là phường Thụy P, quận Bắc Từ Liêm, T phố Hà Nội) vào ngày 18/9/2008.

Thời gian đầu hôn nhân, chúng tôi chung sống hạnh phúc và sinh con gái đầu lòng năm 2009. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung anh T không thực hiện trách nhiệm cả về chăm sóc con cái lẫn trách nhiệm tài chính. Vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2013. Năm 2013, tôi mang thai đứa con thứ hai là cháu Nguyễn T T nhưng hai vợ chồng mâu thuẫn cãi vã liên tục, anh T còn muốn tôi phá thai khiến tôi không còn tình cảm và muốn ly hôn. Anh T không đóng góp kinh tế và không hỗ trợ tôi nuôi con. Thậm chí còn nợ nần khiến chủ nợ nhắn tin chửi bới đe doạ tôi và các con tôi. Vợ chồng tôi đã ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay. Anh T bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Tôi đã gửi đơn ly hôn nhưng sau đó được Toà án hoà giải, tôi đã rút đơn nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện. Tôi thấy hôn nhân quá bế tắc, mục đích không đạt được, Đề nghị cho tôi được ly hôn với anh T.

- **Về con chung**: Chị N xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 08/5/2009 và cháu Nguyễn T T, sinh ngày 21/11/2013. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Vì lý do, từ trước đến nay các con chung đều do chị N chăm sóc, nuôi nấng, chị không muốn chia cắt các con.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung**: chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung**: chị N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: chị N tự nguyện nộp án phí ly hôn theo quy định.

**** Tại đơn khởi kiện gửi cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn N T trình bày:***

- **Về tình cảm**: Anh T nhất trí với phần trình bày của chị N về quá trình kết hôn và chung sống với nhau. Tuy nhiên, theo anh T lý do vợ chồng mâu thuẫn là do chị N có những vấn đề khuất tất trong tình cảm, anh T muốn làm rõ nhưng chị N đều không giải thích được một cách thuyết phục. Vấn đề đóng góp tài chính gia đình: anh T nhận thấy mình không phải người vô trách nhiệm, do thay đổi công việc nên anh mới hạn chế việc đóng góp nuôi con. Mặc dù anh T biết do bản thân sai, nhưng anh cố gắng hết sức giữ gìn gia đình. Anh T không đồng ý ly hôn với chị N.

- **Về con chung:** Anh T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 08/5/2009 và cháu Nguyễn T T, sinh ngày 21/11/2013. Nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung:** anh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: anh đồng ý để chị N nộp án phí ly hôn theo quy định.

Tại phiên tòa: chị Hoàng Bích N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn N T. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 08/5/2009 và cháu Nguyễn T T, sinh ngày 21/11/2013. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung vì từ khi các con sinh ra cho đến nay, các con đều ở với chị và do chị trực tiếp chăm sóc, chị không muốn chị em phải tách nhau ra, bản thân chị có đầy đủ điều kiện về thu nhập, nơi ở để đảm bảo tốt nhất cho các con. Hiện tại chị làm điều dưỡng bệnh viện Bạch Mai, thu nhập khoảng 30 triệu đồng/ tháng. Bản thân anh T là người rất vô trách nhiệm với gia đình, không đóng góp kinh tế để lo cho gia đình, bản thân lại nợ nần. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng nuôi con chung của chị.

Về tài sản chung và nhà ở chung: chị N và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: chị N và anh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn N T trình bày: anh không đồng ý ly hôn với chị N. Bản thân anh cũng có đóng góp kinh tế gia đình, tuy nhiên, do anh gặp khó khăn trong công việc nên có những lúc anh không giúp được chị N. Nếu buộc phải ly hôn, anh vẫn có nguyện vọng được nuôi 01 con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn đã lâu, đến nay không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 08/5/2009

và cháu Nguyễn T T, sinh ngày 21/11/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, anh T được thăm nom, chăm sóc con chung. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của anh T khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung và nhà ở chung: chị N và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về các khoản nợ chung: chị N và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng**: chị Hoàng Bích N xin ly hôn với anh Nguyễn N T, hiện anh T trú tại: P1605 chung cư OSAKA, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

*** Về quan hệ hôn nhân**:

Chị Hoàng Bích N và anh Nguyễn N T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Thụy P, huyện Từ Liêm, T phố Hà Nội (nay là phường Thụy P, quận Bắc Từ Liêm, T phố Hà Nội). Do vậy, hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị N, anh T và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau hoàn toàn; bất đồng trong việc sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng đã có thời gian dài ly thân, không quan tâm đến cảm xúc của nhau, không có sự trao đổi, giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống gia đình. Toà án cũng đã tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên toà, chị N vẫn có nguyện vọng được ly hôn với anh T. Do vậy, căn cứ vào điều 56 luật hôn nhân gia đình thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh T.

*** Về con chung**: Chị N xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 08/5/2009 và cháu Nguyễn T T, sinh ngày 21/11/2013. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T muốn trực tiếp nuôi 01 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, về điều kiện thu nhập: chị N là điều dưỡng bệnh viện Bạch Mai, có thu nhập ổn định; có nơi ở ổn định. Mặt khác, từ khi hai vợ chồng ly thân, cả hai con chung vẫn ở với chị N, mọi sinh hoạt từ ăn uống hàng ngày đến đóng tiền học cho con đều do chị N thực hiện. Anh T không có việc làm ổn định nên thu nhập bếp bênh, hiện ở chung nhà với mẹ đẻ và gia đình em trai. Quá trình giải quyết vụ án, chị N xuất trình được cho Toà án các chứng cứ về thu nhập và nơi ở, anh T

không xuất trình được các chứng cứ này. Tại phiên toà, chị N xuất trình cho Toà án các tin nhắn có nội dung, anh T có vướng nợ nần riêng và hiện đang bị Cơ quan công an triệu tập. Chứng cứ này, đã được anh T xác nhận tại phiên toà là đúng. Mặc dù chưa có kết luận của cơ quan công an nhưng để đảm bảo sự ổn định và điều kiện tốt nhất cho các con chung của anh, chị, Hội đồng xét xử thấy việc tiếp tục giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của các con và đảm bảo lợi ích tốt nhất về mọi mặt cho con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung**: chị N và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét**.**

***Về các khoản nợ chung**: chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*** Về án phí**: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí LHST theo quy định của pháp luật.

*** Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83,84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Bích N. Chị Hoàng Bích N được ly hôn với anh Nguyễn N T.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 08/5/2009 và cháu Nguyễn T T, sinh ngày 21/11/2013 cho chị Hoàng N Bích trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi các con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn N T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn N T cho đến khi các con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị N, anh T không có nên không xem xét.

5. Về các khoản nợ chung: chị N, anh T không có nên không xem xét.

6. Về án phí: Chị Hoàng Bích N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số 0011437 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai; TP Hà Nội
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân phường Thụy P, quận Bắc Từ Liêm, T phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai; TP Hà Nội
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân phường Thụy P, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA